

ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO VỚI VIỆC RÈN LUYỆN VÀ NÂNG CAO PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CỘNG SẢN

Nguyễn Thanh Bình

Khoa Triết học

Trường Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

1. Nho giáo không chỉ là một học thuyết chính trị - xã hội, mà còn là một học thuyết đạo đức. Từ khi du nhập vào Việt Nam, Nho giáo đã có lịch sử tồn tại 2000 năm. Mặc dù ở nước ta hiện nay, Nho giáo không còn cơ sở để tồn tại, nhưng một số nét tốt nào đó của Nho giáo vẫn còn tồn tại với những tính chất tiêu cực và tích cực rõ rệt và đang ảnh hưởng đến xã hội và con người Việt Nam.

Là một học thuyết đạo đức, Nho giáo đã đưa ra những chuẩn mực đạo đức cụ thể cho mỗi đối tượng và những quy tắc, cách thức tu dưỡng, rèn luyện nhằm đạt được những phẩm chất đạo đức cần có của mình. Có như vậy, mỗi người mới hoàn thiện bốn phận của mình với gia đình, với nước và trong thiên hạ. Trong những pháp tu dưỡng đạo đức của người giữ đạo làm vua, kẻ làm bề tôi, người quân tử, Nho giáo đặc biệt coi trọng việc *tu thân* (tự tu dưỡng, tự rèn luyện). Bởi vì đối với Vua, người đứng đầu thiên hạ, sự hưng - vong, an - nguy của triều đại, của đất nước gắn chặt và phụ thuộc vào việc tu dưỡng của mình. Vua, người cai trị có đức thì làm gương cho thiên hạ, mới giáo hoá được mọi người. Khi Quý Khương Tử (đại diện nước Lỗ) hỏi đức Khổng Tử về *việc chính* (政), tức là cách cai trị, đức Khổng Tử đáp rằng: "chữ chính (tức cai trị) là do nơi chữ chính (正 - ngay thẳng) mà ra. Cai trị tức là chăm sóc cho dân ngay thẳng. Nay đại phu là bậc dẫn đầu dân chúng mà tự mình ngay thẳng, thì còn ai dám ăn ở bất chính"[1, tr 191]. "nếu như mình chẳng có thể tự sửa lấy mình thì làm sao cai trị nhân dân được"[1, tr 205]. Nho giáo quan niệm rằng, nhà vua, người cầm quyền tự tu dưỡng đạo đức, có đạo đức là một trong những điều kiện tiên quyết nhất để thu phục lòng dân, thu phục lòng người, và vì vậy mà củng cố, duy trì được địa vị của mình. Khổng Tử nói rằng: "Nếu nhà cầm quyền tự mình giữ theo chính đạo chẳng đợi ra lệnh, dân cũng ăn ở đúng phép, còn như tự mình chẳng giữ theo chính đạo, dầu ra lệnh buộc dân theo, họ cũng không theo"[1, tr 201]. Do vậy, đối với người cai trị phải "vì nước mà lấy việc tu thân làm trước hết".

Ngoài ra, Nho giáo còn khẳng định rằng, lý tưởng và hoài bão suốt đời của người quân tử là: Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nhưng để đạt điều đó, điều cơ bản phụ thuộc vào việc tu thân, vì có tu thân mới tề được gia, tề được gia mới trị được nước, trị được nước thì mới bình được thiên hạ.

Tu thân là tu theo đức, là để đạt được đức. Đức, theo quan niệm của Nho giáo bao gồm 5 đức trong ứng xử với người khác: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và 4 đức đối với chính mình: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Từ những vấn đề trên có thể đi đến nhận định rằng, học thuyết đạo đức Nho giáo chủ yếu đề cập đến đạo đức, sự tu dưỡng đạo đức của người cầm quyền, người cai trị. Vì vậy có thể nói, học thuyết đạo đức Nho giáo vẫn còn những giá trị tích cực đối với người đảng viên cộng sản Việt Nam trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cộng sản của mình. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập, rèn luyện Đảng ta đã nhận xét: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân"[3, tr 91]. Và cũng đúng là Người đã tiếp thu, kế thừa, sáng tạo và phát triển những tư tưởng đạo đức của Nho giáo trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin để giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên.

2.1. Chúng ta biết rằng, hạt nhân trong học thuyết đạo đức của Nho giáo là điều "Nhân" và tất cả những đức khác mà Nho giáo đề cập đến đều từ đức "Nhân" mà ra. Theo Nho giáo, "Nhân" là yêu người, do vậy "điều mình không muốn tự đừng đối xử với người khác, mình muốn lập thân thì giúp người lập thân, mình muốn thành đạt thì giúp người thành đạt". Còn đức Nhân của người cộng sản, nhà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Nhân là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí, đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không sợ cực khổ, không sợ oai quyền"[3, tr 262]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng yêu cầu người cán bộ cách mạng, người đảng viên cộng sản luôn luôn lấy việc tu thân (tu dưỡng đạo đức) là gốc để trở thành con người cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, lo trước vui sau thiên hạ. Đúng là Nho giáo coi mục đích chủ yếu của việc tu thân là vì mình. Những ở người cán bộ, người cộng sản thì mục đích của tu thân không phải vì mình mà để làm người đầy tớ thật trung thành của nhân dân lao động, đưa nhân dân lao động trở thành chủ nhân của xã hội, là vì hạnh phúc của nhân dân, vì sự phồn vinh của đất nước. Như vậy tu thân để rồi tế, trị, bình sẽ làm cho người cộng sản người cán bộ cách mạng luôn có chí khí, có hoài bão lớn, không phải chỉ biết vì mình mà còn chủ yếu là phải biết vì người khác, vì cả nước và thiên hạ. Mục đích tu thân cũng để hình thành nhân cách đạo đức, mà trước đây Nho giáo đòi hỏi người quân tử và sau này Bác Hồ đòi hỏi ở người cán bộ, người đảng viên: "Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khu phục".

2.2 Trong tư tưởng đạo đức Nho giáo, các khái niệm đạo đức nền tảng "Trung" và "Hiếu" được đặt trong hai mối quan hệ cơ bản nhất của Tam cương Vua - tôi, cha - con. Trong đó "Trung" là nói về trách nhiệm, nghĩa vụ của bề tôi đối với Vua (bề tôi phải phải tuyệt đối trung thành với Vua), còn "Hiếu" là nói về trách nhiệm, bổn phận của con cái đối với cha mẹ (con cái phải hiếu, kính với c

) Như vậy, ở Nho giáo, "Trung" và "Hiếu" chỉ giới hạn ở một ông vua, ở cá nhân mẹ trong gia đình mà thôi. Còn "Trung" ở người cán bộ, người cộng sản, như Hồ Chủ tịch đòi hỏi là trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân, với cách mạng, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết, sẵn sàng phục vụ hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì lợi ích của nhân dân. Còn "Hiếu" ở người cán bộ đảng viên là hiếu với dân, là phải phục vụ nhân dân, phải là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân, phải "dĩ dân vi quý", là đặt lợi ích của dân lên trên hết.

2.3. Khái niệm "Trung, Tín" cũng là một thành tố trong tư tưởng đạo đức Nho giáo. Nó được dùng trong quan hệ của người cai trị đối với dân. Nho giáo nhấn mạnh rằng, người cai trị sai khiến dân phải thận trọng, phải hợp với ý dân, phải trung tín với dân. Khổng Tử, Mạnh Tử rất quan tâm đến yếu tố dân tín (niềm tin của dân đối với nhà cầm quyền), dân tâm (lòng dân); coi sự tồn - vong của triều đại, được - mất thiên hạ phụ thuộc vào việc những chủ trương, chính sách của người cầm quyền có được dân tin, có được lòng dân hay không. Khổng Tử nói: "Dân ủng tin thì chính quyền không đứng vững được", và khi "lòng dân yên thì chính quyền không đổ được" (Luận ngữ). Còn Mạnh Tử thì cho rằng, "Mất thiên hạ là vì mất dân chúng, mất dân chúng là vì mất lòng dân. Hễ được dân chúng, tự nhiên sẽ được thiên hạ, hễ được lòng dân, tự nhiên sẽ được dân chúng" (sách Mạnh Tử). Để được dân tin, để được lòng dân, Khổng Tử, Mạnh Tử lưu ý người cai trị rằng, trước tiên phải lo cuộc sống của dân sao cho họ có đủ ăn, đủ mặc, phải biết rằng dân lấy trời làm ăn là trời, phải biết làm giàu cho dân; có như vậy mới giáo hoá được họ. Yêu cầu này cũng chính là sự đòi hỏi, là nhiệm vụ của người cán bộ, đảng viên ngày nay. Hồ Chủ tịch đã từng nói: "Ta được lòng dân thì ta không sợ gì cả. Nếu không được lòng dân thì ta không thể làm tốt công việc được"[5, tr 388]. Để được lòng dân, để được dân tin, Người luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên: "Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh"[4, tr 36].

3. Những điều trình bày ở trên, chúng tôi chỉ đề cập đến những vấn đề căn bản nhất trong tư tưởng đạo đức Nho giáo. Tất nhiên, "Đạo đức Nho giáo có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó thì chúng ta phải học" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định. Điều không đúng chứa đựng ngay chính trong nội dung đạo đức và phương pháp tu dưỡng đạo đức của Đạo đức Nho giáo. Ngoài ra, Đạo đức Nho giáo cũng bộc lộ hạn chế cơ bản là không giáo dục, không đề cập mặt năng của con người. Bởi vậy, người cán bộ, người cộng sản Việt Nam không chỉ học hỏi đạo đức mà còn phải trau dồi tài năng. Có như thế họ mới đủ bản lĩnh để thực hiện lý tưởng cộng sản của mình trước những yêu cầu của thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khổng Tử. *Luận ngữ*, (Dịch giả Đoàn Trung Còn). Nxb Trí Đức tông thư, 1950.
 2. Mạnh Tử. *Mạnh tử*, (Dịch giả Đoàn Trung Còn). Nxb Trí Đức tông thư, 1950, quyển thượng.

- [3] Hồ Chí Minh. *Đạo đức là cái gốc của người cách mạng*. Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1970.
- [4] Hồ Chí Minh. *Toàn tập* (tập 4). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [5] Hồ Chí Minh. *Toàn tập* (tập 10). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVI, N°4, 2000

CONFUCIANIST MORALITY AND TRAINING AND IMPROVEMENT OF THE COMMUNIST MORALS

Nguyen Thanh Binh

*Department of Philosophy
College of Social and Human Sciences - VNU*

The paper is focused on presenting main ideas in several categories morality of the Confucianism, such as Benevolence, Piety, Loyalty, Sincerity, etc. These are also the moral norms required to be a gentleman or a governor. Among the moral categories of the Confucianism, apart from the negative components that need being criticized, there are positive ones that can be continued and improved. It is on the basis of this continuation in parallel with modification that Confucianist morals are valuable for the Vietnamese communists in perfecting their communist morals in order to accomplish their responsibilities against the Party, against the people and the country.

NHẬN THỨC LUẬN DUY VẬT CỦA V.I.LÊ-NIN ĐỐI VỚI VIỆC LÀM THÍCH NGUỒN GỐC NHẬN THỨC CỦA SỰ RA ĐỜI TÔN GIÁO

Trương Hải Cường

Khoa Triết học

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

1. Nếu xem xét tôn giáo với tư cách là một hình thái ý thức xã hội thì vấn đề cần phải chỉ ra là hình thái ý thức tôn giáo nảy sinh trên cơ sở nào của tồn tại xã hội? Và phương thức, con đường nhận thức để hình thành ý thức, niềm tin tôn giáo gì?

Đã có không ít nhà triết học duy vật trong lịch sử triết học đã đề cập đến nguồn gốc nhận thức của sự ra đời tôn giáo, thường thì họ nhấn mạnh đến sự ngu dốt, sự không hiểu biết của con người, và quả quyết rằng đó là căn nguyên (nếu không muốn nói là căn nguyên duy nhất) của sự ra đời tôn giáo. Nhận định trên là sai lầm và sai lầm, V.I.Lê-nin đã chỉ ra rằng, bản thân sự ngu dốt không thể tạo ra một cái gì hết. Điều đó có nghĩa là, sự ra đời ý thức hay niềm tin tôn giáo phải gắn với một giai đoạn phát triển nhất định của nhận thức, đó là giai đoạn tư duy trừu tượng. Nhưng vì sao tư duy trừu tượng lại có thể sản sinh ra ý thức tôn giáo, điều này đã được Ph.Ăng-ghe-n đề cập tới trong tác phẩm "Chống Duy vật" - đó là phương thức nhận thức hư ảo về sức mạnh ở bên ngoài con người, thống trị cuộc sống hàng ngày của con người [2, tr. 437]. Nhưng để làm rõ quá trình nhận thức và đặc thù của nhận thức hư ảo dẫn tới niềm tin tôn giáo, cần phải được tìm hiểu nó trong một số tác phẩm triết học của V.I.Lê-nin, đặc biệt là ở các tác phẩm "Luận nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán", "Bút kí triết học" và một số tác phẩm khác. Trong những tác phẩm này, V.I.Lê-nin đã bảo vệ và phát triển triết học C.Mác - Ph.Ăng-ghe-n, đặc biệt là ở lĩnh vực nhận thức luận duy vật. Như chúng ta đã biết, tôn giáo với tư cách là ý thức, là niềm tin, thì đặc trưng của nó là tính hoang đường hư ảo. Vậy, liệu nhận thức luận duy vật có thể chỉ ra được cơ sở, con đường hình thành ý thức tôn giáo hay không? Hay nói một cách khác là liệu có thể lấy tiêu chí của nhận thức luận duy vật vào việc lí giải nhận thức duy tâm tôn giáo hay không? Trả lời câu hỏi này sẽ liên quan đến lập trường trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học, đặc biệt ở mặt thứ hai của vấn đề cơ bản với những nội dung hết sức phong phú, đa dạng và phức tạp.

2. Nếu hiểu một cách chung nhất về nhận thức luận duy vật của triết học Mác - Lê-nin, thì nhận thức là quá trình phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc của con người và được cải biến ở trong đó. Điều cần nhấn mạnh ở đây là quá trình nhận thức của con người gắn với hoạt động thực tiễn của họ, và như vậy thực tiễn đã trở thành một khâu của quá trình nhận thức. Với quan niệm như trên thì nhận thức

lược duy vật của triết học Mác - Lê nin đã trở thành nhận thức lược duy vật khoa học. Với nhận thức lược duy vật khoa học, giúp cho chúng ta tiếp cận, lí giải nguồn gốc nhận thức của sự ra đời tôn giáo một cách khách quan khoa học.

Khi xem xét mối quan hệ giữa chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo, V.I.Lê-nin chỉ ra rằng: "Chủ nghĩa duy tâm chẳng qua chỉ là một hình thái tế nhị và tinh vi của chủ nghĩa tín ngưỡng..."[4, tr. 445]. V.I.Lê-nin đã nêu ra sự lí giải con đường nhận thức dẫn tới chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo: "Nhận thức của con người (respective) không đi theo một đường thẳng, mà là một đường cong đi gần vô hạn đến một loạt những vòng tròn, đến một vòng xoáy ốc. Bất cứ đoạn nào, khúc nào, mảnh nào của đường cong ấy cũng có thể chuyển hoá (chuyển hoá một cách phiến diện) thành một đường thẳng độc lập, đầy đủ, đường thẳng này (nếu chỉ thấy cây không thấy rừng) sẽ dẫn đến vũng bùn, đến chủ nghĩa thầy tu (ở đây nó sẽ bị lợi ích giai cấp của các giai cấp thống trị củng cố lại). Tính đường thẳng và tính phiến diện, sự chết cứng và cứng nhắc, chủ nghĩa chủ quan và sự mù quáng chủ quan đó là những nguồn gốc và nhận thức lược của chủ nghĩa duy tâm. Và chủ nghĩa thầy tu (= chủ nghĩa duy tâm triết học) đương nhiên có những nguồn gốc về nhận thức lược, nó không phải là không có cơ sở; không còn nghi ngờ gì nữa, đó là một *đóa hoa không kết quả*, như là một đóa hoa không kết quả mọc trên cái cây sống của nhận thức sinh động, phong phú, chân thực, khỏe mạnh, toàn năng, khách quan, tuyệt đối của con người"[4, tr.385-386]. Ở luận điểm này, chúng ta thấy rằng, chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo là cơ sở của nó, cơ sở này chính là đời sống hiện thực của con người và nhận thức về đời sống hiện thực ấy, điều này đã được Ph.Ăng ghen chỉ ra trong định nghĩa của ông về tôn giáo [2, tr.437]. Còn V.I.Lê-nin đã làm rõ đặc thù của quá trình nhận thức dẫn tới chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo đó là tính siêu hình, tính phi lịch sử, tính phiến diện và tính chủ quan của nhận thức. Nói như vậy cũng có nghĩa là nếu đặt chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo trong hoàn cảnh cụ thể của nó, xem xét nó ở một mặt mà từ khía cạnh nào đó, thì cũng có thể tìm thấy những giá trị nhất định của nó đối với sự phát triển của nhận thức. V.I. Lê-nin cho rằng: "Chủ nghĩa duy tâm thông minh gần gũi với chủ nghĩa duy vật, nhưng thông minh hơn chủ nghĩa duy vật ngu xuẩn"[5, 293]. Nhưng cũng ở luận điểm này cần phải lưu ý rằng: cái chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa thầy tu ấy đã bị lợi ích của giai cấp thống trị củng cố lại và tất nhiên là nhằm phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị, đó là "... chủ nghĩa được vũ trang đầy đủ, được trong tay những tổ chức rộng lớn, và lợi dụng những giao động nhỏ nhất trong tư tưởng triết học, không ngừng tiếp tục ảnh hưởng vào quần chúng" [4, 4tr.45], phiến diện chẳng chính từ khía cạnh này mà C.Mác cho rằng: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân" [1, tr.570], còn V.I.Lê-nin thì nhấn mạnh thêm: "Tôn giáo là thứ rục rịch tinh thần..."[3, tr.170].

Một điều khác cũng cần phải được lí giải, đó là đặc trưng nào của tư duy trừu tượng đã dẫn tới việc hình thành niềm tin tôn giáo? Theo sự đánh giá "hết sức đúng" của V.I.Lê-nin về một luận điểm trong triết học của Phoi-ơ-bắc, thì: "Thượng đế si

nh không phải là cái gì khác mà là sự tập hợp, là toàn bộ những đặc tính chung nhất rút ra từ giới tự nhiên, song con người, nhờ vào sức tưởng tượng, tức là chính bằng phương pháp tách rời như thế khỏi bản chất cảm tính, khỏi vật chất của giới tự nhiên, lại đem giới tự nhiên biến thành một chủ thể hay là một thực thể độc lập" [4, tr.71]. Như vậy, ở đây chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo thực chất là sự thổi phồng, bóp to, sự tuyệt đối hoá một mặt của nhận thức - đó là mặt hình thức của nhận thức - biến nó thành chủ thể hay thực thể độc lập, thành cái siêu nhiên thần thánh. Nhưng, như chúng ta đã biết sự tưởng tượng, thậm chí là ảo tưởng không chỉ có ở tôn giáo, mà nó còn có ở tất cả các hình thái ý thức xã hội khác, điều này thể hiện tính phức tạp của nhận thức, bởi vì: "Khi trí tuệ (của con người) tiếp xúc với một vật thật, sao chụp hình ảnh (= một khái niệm) của nó, đó *không phải* là một hành vi đơn giản, trực tiếp, cứng đờ như phản ánh trong gương, mà là một hành vi phức tạp, hai mặt, khúc khuỷu, *bao hàm* khả năng của ảo tưởng bay ra khỏi cuộc sống; hơn nữa: bao hàm khả năng của một *sự chuyển biến* (hơn nữa, không thấy được, và người ta không có ý thức về nó) của khái niệm trừu tượng, của ý niệm thành một *ảo tưởng* (xét đến cùng = Thượng đế)...(Thật vô lí nếu phủ nhận vai trò của ảo tưởng ngay trong khoa học chính xác nhất...)" [5, tr.394-395]. Với quan niệm này, V.I.Lê-nin chỉ ra: 1. Tính phức tạp, tính khúc khuỷu của nhận thức; 2. Hai mặt hay là hai khả năng của tư duy trừu tượng của ảo tưởng, đó là nó có thể kích thích tính năng động, sáng tạo của tư duy trong quá trình nhận thức thế giới, đồng thời nó có thể tách ra khỏi đời sống hiện thực để dẫn tới quan niệm về cái siêu nhiên thần thánh. Như vậy, V.I.Lê-nin đã làm rõ quan niệm của Ph.Ăng ghen, khi Ph.Ăng ghen cho rằng: tôn giáo và triết học là hai lĩnh vực bay cao hơn cả trên không trung, nhưng nó vẫn nội dung vật chất, yếu tố tiền sử của nó trong đời sống hiện thực.

Một vấn đề nữa cần phải được đặt ra và xem xét là không phải chỉ tư duy trừu tượng, ảo tưởng mới dẫn tới niềm tin tôn giáo, mà chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa duy cảm cũng có thể dẫn tới chủ nghĩa duy tâm tôn giáo [4, tr.180]. Vậy thì chủ nghĩa duy lí có thể dẫn tới niềm tin tôn giáo hay không? Nếu đặt duy lí trong quan hệ với phi duy lí thì, như chúng ta đã biết, trong một số trào lưu triết học hiện đại ngoài Mác-xít thì cả duy lí và phi duy lí vẫn có những nhánh rẽ dẫn tới tôn giáo. Để tránh khuynh hướng có thể dẫn tới triết học duy tâm tôn giáo, rõ ràng là phải phát triển nhận thức duy vật khoa học, điều này đụng chạm tới toàn bộ hệ thống lí luận nhận thức duy vật của C.Mác - Ph.Ăng ghen mà V.I.Lê-nin là người đã bảo vệ và phát triển hệ thống lí luận ấy. Nhưng, như chúng ta đã biết, nhận thức là một lĩnh vực hết sức phức tạp, trong đó, nhận thức dẫn tới quan niệm duy tâm tôn giáo càng phức tạp, do vậy việc chỉ ra một cách có cơ sở khoa học của những hạn chế, sai lầm đối với nhận thức luận duy tâm tôn giáo là không dễ dàng. Điều đó có nghĩa là cần phải có sự phát triển, sự bổ sung những kết luận khoa học mới vào nhận thức luận duy vật khoa học để làm sáng tỏ những vấn đề đang đặt ra đối với nhận thức luận duy vật khoa học.

3. Trong vài ba thập niên lại đây, do có sự phát triển hết sức mạnh mẽ của khoa học đã đặt ra nhiều vấn đề cần phải được lí giải về mặt triết học như: sự hình thành vũ trụ; những vấn đề đặt ra về sự xuất hiện loài người; nhân bản học; v.v. Có thể nói, đây là một thách đố mới đối với triết học duy vật cũng như nhận thức luận duy vật. Lợi dụng tình hình trên, không ít nhà thần học, và tổ chức tôn giáo đã tìm kiếm những lí lẽ mới nhằm chứng minh cho tính đúng đắn của những tín điều tôn giáo của họ, đồng thời có không ít những cá nhân đã “sáng lập” ra những giáo phái tôn giáo mới, trong đó có những giáo phái đã lợi dụng khoa học để tuyên truyền những điều mê tín dị đoan, những điều phản khoa học, phản đạo đức. Trước tình hình trên, việc trở lại những vấn đề nhận thức luận của V.I.Lê-nin nhằm hiểu rõ cách đúng đắn về nó và phát triển nó là hết sức cấp thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] C.Mác - Ph.Ăng ghen. *Toàn tập*, tập 1. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [2] C.Mác - Ph.Ăng ghen. *Toàn tập*, tập 20. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [3] V.I.Lê-nin. *Toàn tập*, tập 12. NXB Tiến bộ Matxcơva, 1979.
- [4] V.I.Lê-nin. *Toàn tập*, tập 18. NXB Tiến bộ Matxcơva, 1980.
- [5] V.I.Lê-nin. *Toàn tập*, tập 29. NXB Tiến bộ Matxcơva, 1981

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., LXVI, N^o4, 2000

SOME RESPECTS IN THE V.I. LENIN'S MATERIALISTIC GNOSIOLOGY AGAINST THE EXPLANATION OF COGNITIVE ORIGIN OF THE RELIGION BIRTH

Truong Hai Cuong

Department of Philosophy

College of Social Sciences & Humanities - VNU

From the concept of V.I. Lenin on the gnosiology, in particular in his two works “Materialism and empirio-criticism” and “Philosophic notes”, the author makes efforts to elucidate following matters:

- Characteristics of religious consciousness and the relationship between the idealism and religion;
- Complexity of the cognition process and the ways of formation of consciousness or religious belief.